

DANH MỤC VẬT TƯ LINH KIỆN PHỤC VỤ LÀM ĐỀ THI

Các danh mục dưới đây tính cho 01 thí sinh dự thi

1. DANH MỤC LINH KIỆN ĐỀ THI LẮP RÁP MẠCH PROTOTYPE

TT	Tên linh kiện	Giá trị	Số lượng
1	Tụ hóa	10uF	20
2	Tụ hóa	1uF	4
3	Tụ gốm	104	18
4	Tụ gốm	103	4
5	Tụ gốm	102	4
6	Tụ gốm	22n	2
7	Diode	1N4148SMD	14
8	Ne555	SMD	6
9	Connector	AUDIO MIC BLACK HEADER	2
10	LED đơn	LED	12
11	Header 3 (Green)	Header 3	8
12	Header 2 (Green)	Header 2	2
13	Transistor	C828	12
14	Transistor	TIP41	2
15	Transistor	A1015	2
16	Resistor 1/4W	SMD	30
17	Resistor 1/4W	820	4
18	Resistor 1/4W	56K	4
19	Resistor 1/4W	1.5K	4
20	Resistor 1/4W	100	4
21	Resistor 1/4W	510	2
22	Resistor 1/4W	2.7K	4
23	Rơ le SPDT,10A - 12VDC 5 Pin	Relay 10A/12V	2
24	CONNECT 1	1	30
25	Khuếch đại thuật toán	LM393	2
26	Khuếch đại thuật toán	TL084	4
27	Biến trở	5K	4
28	Biến trở	1K	6
29	IC so sánh	74HC85	6
30	FF-JK	74HC73	4
31	Ic logic	74HC00	2
32	Ic logic	74HC08	4
33	Ic logic	74HC32	6

34	IC đếm	7490	6
35	Led 7 thanh	3x4	6
36	IC ổn áp	LM7805	2
37	IC ổn áp	LM7812	2
38	IC giải mã	74HC138	2
39	Phíp đồng	Dm2	6
40	Dây câu đỏ	mét	2
41	Dây câu đen	mét	2
42	Dây câu trắng	mét	2
43	Thiếc	Kg	0.2
44	Nhựa thông	Kg	0.2
45	Đế IC 8	Cái	10
46	Đế IC 14	Cái	8
47	Đế IC 16	Cái	6
48	Đế IC 18	Cái	8
49	Jumper lược	Cái	2
50	Tản Nhiệt	Cái	4
51	Động cơ servo	Cái	2
52	Connector 6	Cái	2
53	Dây điện đỏ	mét	2
54	Dây điện đen	mét	2
55	Dây điện trắng	mét	2

2. DANH MỤC LINH KIỆN ĐỀ THI THIẾT KẾ PHẦN MỀM

TT	Tên	Gía trị	Số lượng
1	Tụ gốm	100nF	12
2	Tụ gốm	10uF	6
3	Tụ hóa	1uF	2
4	Tụ gốm	470pF	2
5	Tụ hóa	10uF	2
6	Connector 32	MSTBVA2.5-5MM	2
7	Header 10x2		2
8	Header 20x2		4
9	USB MINI connector	Type B	2
10	Cuộn cảm	1k@100 Mhz	2
11	Cầu chì	400mA (Trip)	2
12	LED	LED (Any)	2
13	IC ổn áp	NCP1117LP	2

14	Điện trở	1M	2
15	Điện trở	1k5	4
16	Điện trở	22R	4
17	Diode (Any 1 A)	S1B	4
18	Shottky Diode (Any 1 A)	SS12	2
19	Vi điều khiển	STM32L052K6Tx	2
20	Nút nhấn 6x6 mm, 4 pin	Button (Any)	2
21	IC EEPROM	24LC32	2
22	IC khuếch đại thuật toán	LM358P	2
23	IC logic	74HC14	2
24	LCD	16x02	2
25	LED	EL204GD, màu xanh	2
26	LED	EL204RD, màu đỏ	2
27	LED	EL204YD, màu vàng	2
28	Diode	1N4148	2
29	Diode Zener	1N5225	2
30	Diode Zener	1N5231	2
31	Transistor	MMBT2222	2
32	Thạch anh	20MHz, loại ATS	2
33	Điện trở	100, 2012	4
34	Điện trở	470, 2012	6
35	Điện trở	4.7K, 2012	10
36	Điện trở	10K, 2012	8
37	Điện trở	47, 2012	2
38	Điện trở	100, 0.5W	2
39	Điện trở	4.3K, 0.25W, 1%	2
40	Điện trở	5.0K, 0.25W, 1%	4
41	Điện trở	10K, 0.25W, 1%	12
42	Điện trở	39K, 0.25W, 1%	2
43	Biến trở	10K, T93YA Package	2
44	Tụ gốm	22 pF, 2012	4
45	Tụ gốm	0.1 uF, 2012	20
46	Tụ gốm	1 uF, 2012	4
47	Tụ hóa	0.1uF/50WV	2
48	Tụ hóa	100uF/16WV	2
49	Còi Buzzer	ALP1205P	2
50	Công tắc nút ấn	1212F	34
51	Cảm biến lực	3kg	2
52	Test Point Pin	LC-2-Y	2

53	Test Point Pin	LC-2-BK	2
54	Connector	Molex5051-2P	2
55	Connector	Molex5051-4P	2
56	Connector	Molex5045-2P	2
57	Connector	Molex5045-4P	2
58	Connector	Molex5045-6P	2
59	Connector	Molex5159	12
60	Connector	PH01-14SR, Male	2
61	Connector	PH01-14SR, female	2
62	Dây điện	AWG 26, Đỏ, 30cm	2
63	Dây điện	AWG 26, Cam, 30cm	2
64	Dây điện	AWG 26, Xanh da trời, 30cm	2
65	Dây điện	AWG 26, Đen, 30cm	2
66	Dây điện	AWG 26, Vàng, 30cm	2
67	Dây điện	AWG 26, Trắng, 30cm	2
68	DIP Socket	RIC-DIP-8	4
69	DIP Socket	RIC-DIP-14	2
70	DIP Socket	RIC-DIP-40	2
71	Mạch in	160 * 100 mm	2
72	Foot	Square Rubber	12
73	Tải thử	100 g * 10 = 1 Kg	2
74	Bộ chuyển đổi ADC	ADC HX711	2
75	Thạch anh	8M	2
76	Thiếc	Kg	0.2
77	Nhựa thông	Kg	0.2

3. DANH MỤC LINH KIỆN ĐỀ THI TÌM LỖI

TT	Tên	Gía trị	Số lượng
1	Tụ gốm	104	18
2	Tụ hóa	1000	6
3	Tụ hóa	1uF	4
4	tụ gốm	200pF	2
5	tụ hóa	0.47uF	2
6	Tụ hóa	10uF	3
7	Tụ hóa	22uF	1
8	Tụ hóa	1uF	2
9	tụ gốm	103	4
10	diode xung	1N5819	2

11	Diode muỗi	1N4148	2
12	led 5mm	LED	11
13	Connector 2	JP2	2
14	Connector 3	JP3	2
15	cuộn cảm cảm	330mH	2
16	Jumper	JP6X2	3
17	transistor	C1815	9
18	Resistor 1/4W	10M	2
19	Resistor 1/4W	1M	2
20	Resistor 1/4W	100K	8
21	Resistor 1/4W	47K	2
22	Resistor 1/4W	1K	4
23	Resistor 1/4W	150	14
24	Resistor 1/4W	470	2
25	Resistor 1/4W	10k	2
26	Resistor 1/4W	270	2
27	Resistor 1/4W	1K2	4
28	Resistor 1/4W	100k	4
29	Resistor 1/4W	68k	2
30	Resistor 1/4W	2k	1
31	Resistor 1/4W	10k	6
32	Resistor 1/4W	1.8k	1
33	Resistor 1/4W	5.6k	1
34	Resistor 1/4W	470	7
35	IC nhớ	ICL7135CN	2
36	IC ổn áp	LM2575D2T-5	2
37	IC giải mã	SN7447AN	2
38	IC ổn áp	TL431	2
39	Isolated 1W Single Output	NME0505S	1
40	Hex Inverter	SN7404N	1
41	Three-Terminal Positive Voltage Regulator	MC7809CT	1
42	Timer	NE555P	4
43	Bộ đếm 4 bit	SN74161N	1
44	IC logic	SN74AC14N	2
45	IC so sánh	SN7485N	1
46	Bộ đếm 4 bit	SN74193N	1
47	IC logic	SN7405N	1
48	Hex Schmitt Trigger	HCC40106BF	1
49	Khuếch đại thuật toán	LM393	1

50	Biến trở	VR 10K	2
51	Biến trở	VR 50K	1
52	Biến trở	VR 100K	1
53	Tụ hóa	250uF/25V	1
54	Tụ gốm	104	1
55	Tụ hóa	4700uF/25V	3
56	LED đơn	LED-5-RED	1
57	Diode	1N4007	2
58	Header2		4
59	Header3		2
60	MOSFET	IRFZ4	1
61	OPTO	OPTO chữ U	1
62	Resistor 1/4W	1K	1
63	Resistor 1/4W	4K7	1
64	Resistor 1/4W	150	1
65	Tụ hóa	4.7uF	6
66	Tụ gốm	104	6
67	LED 7 thanh	7SEG S	9
68	LED đơn	LED	1
69	Header 6X2A		3
70	Resistor 1/4W	33K	3
71	Resistor 1/4W	10	7
72	Resistor 1/4W	240	2
73	Resistor 1/4W	1K	1
74	Switch button 2 pin	SW	3
75	Switch 3x1	Switch 3x1	1
76	IC mã hóa	HCC4026BF	3
77	Thiếc	Kg	0.2
78	Nhựa thông	Kg	0.2